

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện

Thực hiện Công văn số 775/UBND-KGVX ngày 30/01/2024 của UBND tỉnh về việc báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện, UBND huyện Hiệp Đức báo cáo kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2023

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (viết tắt là Nghị quyết số 04-NQ/TU), UBND huyện tham mưu Huyện ủy ban hành Chương trình số 08-CTr/HU ngày 09/7/2021 về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU; HĐND huyện ban hành Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về thông qua đề án chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng huyện Hiệp Đức giai đoạn 2022-2026. Đồng thời, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của tỉnh, UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo để triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn huyện (*Phụ lục kèm theo*).

Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách văn hóa - xã hội làm Phó ban, đồng chí Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin huyện là thành viên Thường trực, các cơ quan liên quan làm thành viên Ban Chỉ đạo. Hằng năm, Ban Chỉ đạo được củng cố và kiện toàn đảm bảo vai trò chỉ đạo triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn huyện¹.

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện tổ chức họp định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và 01 năm để triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh, đánh giá tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ trong quý và bàn giải pháp thực hiện nhiệm vụ trong thời gian đến, nhất là giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác chuyển đổi số. UBND huyện đã triển khai, quán triệt đến các cơ quan, đơn vị và Nhân dân, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt của huyện về tầm quan

¹ Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số huyện Hiệp Đức; Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 về kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số huyện Hiệp Đức; Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 về thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc về cải cách hành chính và chuyển đổi số trên địa bàn huyện Hiệp Đức.

trọng của chuyển đổi số; đồng thời xác định chuyển đổi số, ứng dụng CNTT là nội dung quan trọng để chỉ đạo đưa vào nội dung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của huyện, của xã, thị trấn để triển khai thực hiện. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị của huyện tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; lồng ghép vào nội dung sinh hoạt định kỳ hằng tháng của từng cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện.

Công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy được UBND huyện quan tâm chỉ đạo thường xuyên; giao Phòng Văn hóa và Thông tin huyện phối hợp với Phòng Nội vụ huyện tham mưu Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, thành lập Đoàn kiểm tra ở các xã, thị trấn; thông qua đó, động viên phát huy những kết quả đạt được và kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, tồn tại và giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nhìn chung, trong 03 năm qua triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU trên địa bàn huyện đã có chuyển biến tích cực; việc quán triệt, triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện được thực hiện nghiêm túc, các cơ quan, đơn vị và Nhân dân nâng cao nhận thức về nội dung, yêu cầu công tác chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH trong giai đoạn hiện nay.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về Chuyển đổi số

a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

- Về máy tính, đến nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức từ huyện đến xã, thị trấn được bố trí máy tính và kết nối internet để phục vụ công việc.

- Đối với các cơ sở giáo dục, 100% viên chức, viên chức quản lý của các đơn vị trường học trên địa bàn huyện đã được trang bị máy tính để làm việc, 100% các đơn vị trường học đã trang bị phòng thực hành máy tính có kết nối Internet phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập; trang bị các hệ thống phần mềm quản lý giáo dục đến các trường học trên địa bàn huyện. Khai thác hệ thống thông tin điện tử trên Qoffice để nhận và chuyển công văn đi và đến, đồng thời thiết lập trang điều hành nội bộ giữa Phòng GD&ĐT với 22 đơn vị trường học (pgdhiopduc.edu.vn). Ngoài ra, CSDL ngành GD&ĐT do Bộ GD&ĐT chủ trì được khai thác sử dụng có hiệu quả, giúp việc báo cáo số liệu chính xác từ các trường đến Phòng GD&ĐT, dữ liệu được lưu giữ nhiều năm liên tục nên có độ chính xác cao.

- 100% cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện sử dụng các thiết bị liên quan để số hóa tài liệu, số hóa TTHC. Việc số hóa giúp lưu trữ và sử dụng tài liệu của các cơ quan, đơn vị an toàn, tiết kiệm, linh hoạt, hiệu quả và có tính bảo mật thông tin cao.

- Về hạ tầng viễn thông, trên địa bàn huyện có 03 nhà mạng viễn thông chủ yếu cung cấp hạ tầng dịch vụ viễn thông - CNTT gồm: Viettel, Vinaphone, MobiFone. Trong đó, hạ tầng mạng băng thông rộng của các nhà mạng có tổng cộng 62 trạm BTS phủ sóng thông tin di động 3G, 4G đến 100% các xã, thị trấn

trên địa bàn huyện; 42/46 nhà văn hóa thôn có Wifi, cáp quang; còn 4 thôn² chưa có internet cáp quang đã sử dụng phủ sóng 3G, 4G, tạo điều kiện thuận lợi trong việc truy cập Internet cho Nhân dân. Đầu tư nâng cấp hệ thống mạng LAN, wifi tại trụ sở làm việc các cơ quan khối Đảng, khối Mặt trận-Đoàn thể, trụ sở làm việc UBND huyện và khu hành chính huyện. Ban hành Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 27/9/2023 về triển khai công tác chỉnh trang, làm gọn các tuyến cột, cáp điện lực, cáp viễn thông trên địa bàn huyện Hiệp Đức năm 2023; chỉ đạo Phòng Văn hoá và Thông tin phối hợp với các nhà mạng Vinaphone, Viettel kiểm tra và khắc phục những vị trí đường dây, trụ hư hỏng, ngã đổ nhằm đảm bảo hạ tầng viễn thông phục vụ công tác chuyển đổi số của các địa phương trên địa bàn huyện.

b) Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin

- Cổng thông tin điện tử huyện và 11 xã, thị trấn hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin đảm bảo theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng, kịp thời tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của huyện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; công khai hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành của huyện phục vụ công tác tra cứu, khai thác văn bản; bình quân mỗi tháng đăng 4 tin bài về các hoạt động trên địa bàn huyện. Duy trì hệ thống hội nghị trực tuyến đến 11/11 xã, thị trấn kết nối 4 cấp chính quyền. Tiếp tục triển khai phòng họp không giấy tờ và Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp huyện. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện đã triển khai lắp đặt mạng truyền số liệu chuyên dùng 4 cấp chính quyền đến tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện; trong đó có 1 đường truyền chính thức và 1 đường truyền dự phòng của 2 nhà mạng khác nhau (Phước Gia chỉ có 01 đường truyền của Viettel).

- Có 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản thư điện tử công vụ, sử dụng ứng dụng Smart Quảng Nam và Egov Quảng Nam. Sử dụng hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc (QOffice). Chuyển hoàn toàn việc sử dụng văn bản giấy sang văn bản điện tử, đảm bảo tất cả văn bản đi, đến được xử lý trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định). 100% cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn được cấp chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ để thực hiện ký số văn bản điện tử và số hóa hồ sơ THCC. Hệ thống “Một cửa điện tử” hoạt động thông suốt từ huyện đến xã để thu nhận hồ sơ thủ tục hành chính. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến hàng tháng tăng. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các phòng, đơn vị huyện thực hiện chuyển giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận một cửa huyện.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và ngành dọc đang sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành mình để phục vụ quản lý và tra cứu dữ liệu. Ngoài ra các cơ quan: Y tế, Tư pháp, Công an, Bảo hiểm xã hội, Lao động -

² Gồm: Thôn Hạ Sơn xã Phước Gia, thôn Trà Huỳnh xã Sông Trà, thôn Trà Hân xã Phước Trà, thôn Trà Linh Tây xã Hiệp Hòa.

Thương binh và Xã hội thực hiện 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông là Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi và Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị nghiệp vụ liên quan nhằm góp phần tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến.

- Tình hình ứng dụng các phần mềm, CSDL do Trung ương, tỉnh, huyện triển khai:

Số TT	Tên Phần mềm, ứng dụng	Nội dung quản lý	Đơn vị triển khai	Số lượng người dùng	Mức độ hiệu quả ứng dụng
1	Phần mềm quản lý giáo dục		Phòng Giáo dục & Đào tạo		100%
2	Hệ thống đăng ký xe		Công an		100%
3	Quản lý lưu trú		Công an		100%
4	Dữ liệu dân cư		Công an		100%
5	Hệ thống Tabmis quản lý ngân sách		Phòng TC-KH		100%
6	Phần mềm kế toán chuyên dụng Misa		Phòng TC-KH		100%
7	Quản lý cán bộ		Phòng Nội vụ	931 CB,CC,CV	100%
8	Phần mềm quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật		Phòng Tư pháp	26 cơ quan, đơn vị huyện, xã, thị trấn	100%
9	Phần mềm hộ tịch		Phòng Tư pháp	Phòng Tư pháp và 11 xã, thị trấn	100%
10	Phần mềm quản lý công tác tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo		Thanh tra		
11	Phần mềm quản lý đối tượng BTXH và Người có công		Phòng LĐ-TB&XH	Cơ quan, đơn vị huyện và 11 xã, thị	100%

				trần	
12	Phần mềm quản lý hộ nghèo		Phòng LĐ-TB&XH	Cơ quan, đơn vị huyện và 11 xã, thị trấn	100%
13	Phần mềm quản lý cung lao động		Phòng LĐ-TB&XH	Cơ quan, đơn vị huyện và 11 xã, thị trấn	100%
14	Quản lý hóa đơn điện tử		Chi cục thuế khu vực Quế Sơn, Nông Sơn, Hiệp Đức.		100%
15	Phần mềm quản lý hạ tầng giao thông		Phòng KT&HT		100%
16	Phần mềm Autocad		Phòng KT&HT		100%
17	Phần mềm dự toán		Phòng TC-KH		100%
18	Phần mềm một cửa điện tử của huyện		Văn phòng HĐND&UBND		100%
19	Phần mềm dịch vụ công trực tuyến		Văn phòng HĐND&UBND		100%
20	Hệ thống báo cáo Chính phủ		Văn phòng HĐND&UBND		100%
21	Hệ thống Quản lý văn bản điều hành - QOffice tỉnh Quảng Nam		Văn phòng HĐND&UBND		100%
22	Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp		Phòng TC-KH		100%
23	Phần mềm quản lý tiền lương		Phòng TC-KH		100%
24	Phần mềm quản lý tài sản		Phòng TC-KH		100%
25	Phần mềm tra soát hóa đơn đầu vào		Chi cục thuế khu vực Quế Sơn, Nông Sơn, Hiệp		100%

			Đức.		
26	Chứng từ dịch vụ công				
27	Phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTKK		Chi cục thuế khu vực Quế Sơn, Nông Sơn, Hiệp Đức		100%
28	Phần mềm thuế điện tử		Chi cục thuế khu vực Quế Sơn, Nông Sơn, Hiệp Đức		100%
29	Phần mềm thanh toán Dịch vụ công trực tuyến		Bưu chính công ích		100%
30	Phần mềm quản lý Bến xe		Phòng KT&HT		100%
31	Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi		Tư pháp – Công an –BHXH		100%
32	Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng		Tư pháp – Công an – LĐ-TB&XH		100%

c) Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 897/CT-TTg ngày 10/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng chống phần mềm độc hại, đảm bảo máy chủ và 114 máy trạm được cài đặt phần mềm phòng, diệt virus bản quyền. Phân rã cài đặt phần mềm Endpoint Protection cho 25 máy của 14 cơ quan chuyên môn huyện để đảm bảo an toàn thông tin. Cử cán bộ công chức tham gia các lớp tập huấn, diễn tập về ATTT mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

d) Đánh giá các chỉ tiêu

Số TT	Chỉ tiêu theo NQ số 04-NQ/TU	Đơn vị tính	Kết quả năm 2021	Kết quả năm 2022	Kết quả năm 2023
1	Tỷ lệ Dịch vụ công trực	Tỷ lệ	100%	100%	100%

	tuyển toàn trình				
2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Tỷ lệ		5,6%	56,1%
3	Tỷ lệ báo cáo được thực hiện thông qua hệ thống thông tin báo cáo LRIS	Tỷ lệ	100%	100%	100%
4	Số CSDL chuyên ngành được xây dựng và triển khai vận hành, sử dụng phục vụ công tác quản lý	CSDL/phần mềm		1/1 (phần mềm quản lý thông tin xuất khẩu lao động)	1/1 (phần mềm quản lý thông tin xuất khẩu lao động)
5	Số CSDL có kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống bên ngoài	CSDL/phần mềm		28	30
6	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số	Cuộc		01	11

đ) Về các lĩnh vực ưu tiên Chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 08/5/2023 về thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng Nông thôn mới, hướng tới Nông thôn mới thông minh trên địa bàn huyện Hiệp Đức giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 09/5/2023 về truyền thông Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hiệp Đức giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 11/5/2023 về thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn huyện Hiệp Đức năm 2023; trong đó, UBND huyện đề ra mục tiêu trọng tâm là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong xây dựng NTM nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện Chương trình, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống người dân, thu hẹp dần khoảng cách về chất lượng dịch vụ giữa nông thôn - thành thị, từng bước hướng tới NTM thông minh trên địa bàn huyện. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ số trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet, cài đặt định danh điện tử 39,61%/tổng dân số. Đến nay, tỷ lệ người dân trên địa bàn đăng ký sổ khám sức khỏe điện tử 94,55%; 100% các trường học trên địa bàn đều tổ chức dạy trực tuyến (khi cần thiết) và thanh toán điện tử, trên 90%

người dân truy cập, khai thác các trang mạng xã hội để nắm bắt, trao đổi thông tin (trừ người già, trẻ em nhỏ, người khuyết tật không sử dụng được). Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân mở tài khoản dịch vụ công quốc gia để đăng ký giải quyết TTHC trực tuyến. Các xã tích hợp cơ sở dữ liệu dân cư, hộ tịch, người có công và dữ liệu quản lý của các Hội đoàn thể. Tại trụ sở UBND và trên các tuyến đường chính, các điểm công cộng các xã đều trang bị hệ thống camera giám sát an ninh nhằm theo dõi, giám sát tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần đảm bảo trật tự an ninh trên địa bàn xã. 100% xã, thị trấn xây dựng Cổng thông tin điện tử, kịp thời đăng tải các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các kết quả đạt được trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã ... Vận động hộ dân sản xuất, kinh doanh ứng dụng hiệu quả mạng xã hội để quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng giải pháp truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hoá, đồng thời, đưa các sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, hiện nay có 05 sản phẩm³ OCOP đưa lên sàn postmart.

Thành lập tổ công nghệ cộng đồng ở 46/46 thôn với 212 thành viên tham gia, các tổ công nghệ cộng đồng trong thời gian qua đã tập trung tuyên truyền và vận động nhân dân thực hiện công tác chuyển đổi số như cài đặt VNeID, nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến và thanh toán trực tuyến...

e) Đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của Chuyển đổi số

Nhìn chung thời gian qua, UBND huyện đã quyết liệt chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp, bước đầu đạt được một số kết quả đáng ghi nhận; giúp cán bộ, công chức tăng cường hiệu suất và năng suất công việc, tiết kiệm thời gian trong giải quyết công việc chuyên môn, nhất là giải quyết thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ nhanh chóng, tiện lợi và hiệu quả hơn cho người dân, bên cạnh đó người dân còn truy cập dễ dàng, minh bạch hơn vào thông tin và dịch vụ công. Việc tổ chức và quản lý dữ liệu trong hệ thống số giúp các cơ quan lưu trữ, quản lý thông tin một cách an toàn, chính xác. Hạ tầng mạng viễn thông được phủ rộng khắp trên địa bàn huyện đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng CNTT của người dân, doanh nghiệp, góp phần giảm khoảng cách số, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống người dân qua môi trường mạng, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và y tế. Việc quét mã QR các địa chỉ danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử như Khe cái, Đình làng Phước Sơn, Nhà thờ Tiên hiền Làng An Sơn... không những góp phần quảng bá hình ảnh, di tích lịch sử trên địa bàn trong cộng đồng dân cư mà còn nâng cao tính giáo dục truyền thống trong thế hệ trẻ, bảo tồn các di tích lịch sử trên địa bàn huyện. Chuyển đổi số giúp các hộ sản xuất trên địa bàn mở rộng thị trường kinh doanh buôn bán, 05 sản

³ Nấm bào ngư, tinh bột nghệ núi Hiệp Đức, Kẹo dẻo đậu phụng Hiệp Đức, ngũ cốc dinh dưỡng đặc biệt Hằng Moon, Bột mầm đậu nành nguyên xơ.

phẩm OCOP của địa phương được đưa lên sàn postmart sẽ là môi trường quảng bá, giới thiệu sản phẩm thu hút khách hàng trên mọi miền đất nước.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Nghị quyết số 04-NQ/TU và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, của huyện về công tác chuyển đổi số trong cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn huyện nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác chuyển đổi số trong giai đoạn phát triển đất nước hiện nay. Tăng cường tuyên truyền hiệu quả của DVC trực tuyến để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về lợi ích mang lại từ việc sử dụng DVC trực tuyến. Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng thụ hưởng. Các hình thức tuyên truyền như: mạng xã hội như Facebook, Zalo...; Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực đến từng tổ dân cư, thôn, khối phố, tổ dân phố, từng gia đình để vận động, hướng dẫn người dân tham gia DVC trực tuyến.

2. Tập trung xây dựng văn bản chỉ đạo, cụ thể hóa thực hiện có kết quả các văn bản chỉ đạo của tỉnh, của huyện, nhất là Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện về thông qua đề án chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng huyện Hiệp Đức giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 về ban hành đề án chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng huyện Hiệp Đức giai đoạn 2022-2026.

3. Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp huyện; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện tốt các chỉ số của Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số.

4. Đẩy mạnh thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận, xử lý, giải quyết trực tuyến; thực hiện liên thông giải quyết TTHC; thực hiện ký số các hồ sơ, văn bản trong quá trình giải quyết TTHC, xử lý DVC trực tuyến trên Cổng DVC; chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tập trung đẩy mạnh việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính trong giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa cấp huyện và xã, thị trấn.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 897/CT-TTg ngày 10/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng chống phần mềm độc hại. Chỉ đạo Phòng VH&TT hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT đối với các hệ thống thông tin đang vận hành của các đơn vị theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

6. Nâng cấp, duy trì hệ thống cầu truyền hình trực tuyến đến các xã, thị trấn đảm bảo kết nối hội nghị đến 4 cấp chính quyền. Phát huy hiệu quả hoạt động

Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp huyện. Tiếp tục triển khai ứng dụng mức cao và phạm vi rộng đối với các hệ thống thông tin dùng chung như: Quản lý văn bản và Điều hành công việc, Một cửa điện tử, Dịch vụ công, Hệ thống tổng hợp báo cáo, Hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm quản lý hóa đơn điện tử, quản lý giáo dục, quản lý BHYT... các hệ thống dùng chung chuyên ngành khác do các cơ quan, đơn vị triển khai.

7. Phát huy hiệu quả hoạt động của Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của các xã. Đầu tư, xây dựng mới hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các xã Bình Sơn, Hiệp Hoà, đảm bảo 100% xã, thị trấn được đầu tư đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng thông tin tuyên truyền trong Nhân dân.

8. Đẩy mạnh triển khai nền tảng các mạng xã hội sẵn có phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, tra cứu thông tin của người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh phát triển kênh thông tin Zalo OA của huyện nhằm giúp người dân tương tác, kết nối với chính quyền, mang lại giá trị thiết thực về tiếp cận và nắm bắt thông tin; thu hút được người dân tham gia vào giao dịch trên môi trường số.

9. Đẩy mạnh hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng thôn, khối phố để thông tin tuyên truyền về công tác chuyển đổi số đến Nhân dân; trực tiếp hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng công nghệ thông minh, thương mại điện tử, dịch vụ hành chính công; tham gia thực hiện chuyển đổi số trong từng lĩnh vực của đời sống, từ đó cùng chính quyền xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số tại thôn, tổ dân phố.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Những khó khăn, vướng mắc

- Đường truyền mạng vẫn không ổn định, chưa đáp ứng đủ nhu cầu xử lý công việc, mạng 3G, 4G cơ bản được phủ sóng ở các thôn trên địa bàn huyện, tuy nhiên do địa hình rộng, nhiều đồi núi cao dẫn đến chất lượng sóng tại một số địa bàn dân cư còn kém hoặc không có sóng gây khó khăn trong triển khai ứng dụng công nghệ, đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân.

- Nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số ở một số cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn còn thiếu, chưa bắt kịp với tốc độ chuyển đổi số nói chung. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện là cơ quan chủ trì tham mưu UBND huyện trên lĩnh vực chuyển đổi số nhưng hiện nay chưa có cán bộ, công chức chuyên trách về CNTT. Bên cạnh đó, năng lực ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, không đồng đều vì vậy còn hạn chế trong công tác tham mưu, triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin.

- Do thói quen người dân vẫn còn đến nộp hồ sơ trực tiếp là chủ yếu, thanh toán bằng tiền mặt, tỉ lệ người dân thực sự sử dụng tài khoản và nộp hồ sơ trực

tuyến còn thấp. Việc thanh toán trực tuyến, sử dụng dữ liệu tích hợp chung giấy tờ vẫn còn nhiều trở ngại với người dân.

- Tỷ lệ người dân thực hiện cài đặt mã định danh điện tử mức độ 2 vẫn chưa đạt 100% nên chưa thực hiện liên kết chia sẻ dữ liệu khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến nên việc chờ đợi để nhập liệu, gây mất thời gian cho cán bộ công chức và người dân.

- Tâm lý ngại thay đổi của một bộ phận người dân khi bước đầu tiếp cận cách thực hiện chuyển đổi số vì nhiều lý do như tuổi cao, trình độ dân trí, khả năng sử dụng công nghệ...

- Cán bộ được phân công quản trị Cổng thông tin điện tử của xã, thị trấn đều kiêm nhiệm do đó chưa thông thạo trong công tác vận hành Cổng theo quy định.

2. Đề xuất, kiến nghị

- Kiến nghị các Sở, ban ngành tỉnh: Hỗ trợ thúc đẩy đưa các sản phẩm đặc trưng của huyện, các sản phẩm OCOP lên các sàn thương mại điện tử.

- Kiến nghị Sở Thông tin và Truyền thông: Tổ chức tập huấn chuyển đổi số đến cộng đồng dân cư, các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện, UBND huyện Hiệp Đức kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở TT&TT;
- Thường trực Huyện ủy;
- CT, PCT UBND huyện;
- Ban Chỉ đạo CCHC&CĐS huyện;
- Lưu: VT, VHHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phụ lục
Tham mưu và ban hành các văn bản về công tác chuyển đổi số
(giai đoạn 2021 - 2023)

TT	Nội dung văn bản
1	Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số huyện Hiệp Đức.
2	Chương trình số 08-CTr/HU ngày 09/7/2021 của Huyện ủy Hiệp Đức về Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
3	Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 30/3/2021 về Ứng dụng công nghệ thông tin, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Hiệp Đức năm 2021.
4	Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 09/7/2021 về Truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trên địa bàn huyện Hiệp Đức giai đoạn 2021 – 2025
5	Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 về kiện toàn và đổi tên Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số huyện Hiệp Đức.
6	Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 16/5/2022 Chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 trên địa bàn huyện Hiệp Đức.
7	Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 về Phân bổ kinh phí thực hiện thuê dịch vụ CNTT Hệ thống trung tâm điều hành thông minh (IOC) huyện Hiệp Đức.
8	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 Ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022.
9	Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 về Quy chế quản lý, khai thác và vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh huyện Hiệp Đức.
10	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về thông qua đề án chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng huyện Hiệp Đức giai đoạn 2022-2026.
11	Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 về ban hành đề án chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng huyện Hiệp Đức giai đoạn 2022-2026.
12	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về Cấp bổ sung kinh phí cho Văn phòng HĐND&UBND huyện để thực hiện Đề án chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng huyện Hiệp Đức.
13	Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 17/3/2023 về Chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2023 trên địa bàn huyện Hiệp Đức.
14	Báo cáo số 94/BC-UBND ngày 17/3/2023 về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa huyện Hiệp Đức năm 2022.
15	Báo cáo số 98/BC-UBND ngày 21/3/2023 về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về

	chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
16	Báo cáo số 103/BC-UBND ngày 27/3/2023 về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh.
17	Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 08/5/2023 về thực hiện chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn huyện Hiệp Đức giai đoạn 2022-2025.
18	Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 09/5/2023 về truyền thông chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hiệp Đức giai đoạn 2022-2025.
19	Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 11/5/2023 về thực hiện chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn huyện Hiệp Đức năm 2023.
20	Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 11/5/2023 về truyền thông chuyển đổi số huyện Hiệp Đức năm 2023.
21	Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 12/5/2023 về công tác thông tin đối ngoại huyện Hiệp Đức năm 2023.
22	Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 24/5/2023 về triển khai công tác thông tin cơ sở huyện Hiệp Đức năm 2023.
23	Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 23/8/2023 về nâng cao xếp hạng mức độ Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số trên địa bàn huyện Hiệp Đức.
24	Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 16/9/2023 về tham gia Cuộc thi tìm hiểu CCHC và Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam năm 2023.
25	Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 27/9/2023 về triển khai công tác chỉnh trang, làm gọn các tuyến cột, cáp điện lực, cáp viễn thông trên địa bàn huyện Hiệp Đức năm 2023.
26	Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 29/9/2023 về hưởng ứng ngày chuyển số năm 2023 trên địa bàn huyện Hiệp Đức.
27	Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 11/10/2023 về triển khai thực hiện thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin (nội dung số 3 tiểu dự án 2 dự án 10) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.
28	Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 17/10/2023 về triển khai thực hiện thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin (nội dung số 3 tiểu dự án 2 dự án 10) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021- 2030, trên địa bàn huyện Hiệp Đức năm 2023.
29	Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 18/10/2023 về thực hiện “Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn huyện Hiệp Đức.
30	Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 về Thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc về cải cách hành chính và chuyển đổi số trên địa bàn huyện

	Hiệp Đức.
31	Báo cáo số 448/BC-UBND ngày 16/11/2023 kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Hiệp Đức năm 2023 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2024.
